

UBND HUYỆN TUYÊN HÓA
HỘI ĐỒNG KTSH XÉT TUYỂN ĐC
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /TB-HĐKTSH

Tuyên Hoá, ngày 02 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp năm 2018

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KTSH XÉT XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN TUYÊN HÓA NĂM 2018**

Thông báo kết quả xét tuyển đặc cách và dự kiến người trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp huyện năm 2018 (Có danh sách kèm theo).

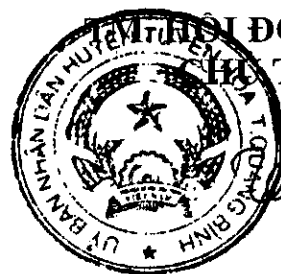
Hội đồng KTSH xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp năm 2018 thông báo để các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển đặc cách năm 2018 được biết. Nếu thí sinh có nhu cầu phúc khảo thì làm đơn (theo mẫu) đề nghị phúc khảo (chỉ thực hiện phúc khảo đối với điểm học tập và điểm tốt nghiệp, không thực hiện phúc khảo đối với điểm phỏng vấn) gửi cho Hội đồng KTSH (qua Thư ký Hội đồng tại Phòng Nội vụ huyện), thời hạn nộp đơn từ ngày 03 - 17/10/2018 (trong giờ làm việc).

Danh sách kết quả xét tuyển và dự kiến người trúng tuyển được niêm yết công khai tại phòng Nội vụ huyện và đăng trên trang thông tin điện tử huyện: tuyenhoa.quangbinh.gov.vn.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ qua Thư ký Hội đồng KTSH để được hướng dẫn, giải quyết theo số máy ĐT: 0232 3684 363./.

Nơi nhận:

- Thí sinh;
- Lưu: HDXTH.



HỘI ĐỒNG KTSH
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Hồ Vũ Thường



DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2018
 (theo Thông báo số 08/TB-HĐKTSH ngày 02/10/2018 của Hội đồng KTSH xét tuyển đặc cách huyện)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Mã dự tuyển	Điểm học tập theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
1	001	Nguyễn Thành Chung	Nam	20/08/1978	Ngư Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH II	60,9	55		140	255,9	x
2	002	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10/01/1986	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH II	72,1	70		144	286,1	x
3	003	Nguyễn Việt Hùng	Nam	15/11/1988	Cao Quảng, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TD, TH II	68,8	6		134	208,8	x
4	004	Trần Mạnh Hùng	Nam	26/6/1985	Cao Quảng, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TD, TH II	73,7	70		149	292,7	x
5	005	Võ Mạnh Hùng	Nam	30/05/1985	Cao Quảng, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TD, TH III	70,9	80		123	273,9	x
6	006	Hoàng Thị Liễu	Nữ	10/01/1989	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	AN, TH III	75,4	73,3		108	256,7	x
7	007	Nguyễn Thị Thanh Phúc	Nữ	20/11/1988	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TH III	73,8	80		107	260,8	x
8	008	Phạm Thị Thanh Tiên	Nữ	08/3/1989	Hương Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	TH IV	77	76		124	277	x
9	009	Mai Thị Mỹ Duyên	Nữ	24/10/1996	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			178,4	160	338,4	
10	010	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	18/07/1995	Tây Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			163		163	Bỏ thí
11	011	Cao Thị Thu Hồng	Nữ	12/3/1994	Yên Hoá, Minh Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			171	91	262	
12	012	Lê Thị Hiền Hương	Nữ	07/8/1994	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			163,6	180	343,6	x
13	013	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	05/6/1995	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			161,8	182	343,8	x
14	014	Nguyễn Thuý Linh	Nữ	20/5/1995	Mai Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			161,2	156	317,2	
15	015	Trần Thị Loan	Nữ	02/02/1993	Châu Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			164,2	151	315,2	
16	016	Phạm Thị Thắm Na	Nữ	21/10/1996	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH, G			166,8	150	316,8	


TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Mã dự tuyển	Điểm học tập TB tính theo thang điểm 100 (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (Hệ số 1)	Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (Hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
17	017	Đinh Thị Nga	Nữ	03/02/1993	Sơn Hòa, Tuyên Hòa, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			170	145	315	
18	018	Nguyễn Cẩm Nhung	Nữ	19/05/1995	Lâm Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			161,2	181	342,2	x
19	019	Lê Trung Phong	Nữ	10/12/1994	Lê Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			165	154	319	
20	020	Mai Thị Lan Phương	Nữ	30/10/1995	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			163	140	303	
21	021	Trần Thị Hồng Thắm	Nữ	04/4/1996	Kim Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			168,2	158	326,2	
22	022	Phạm Thị Thủy	Nữ	10/10/1995	Đức Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			167	149	316	
23	023	Trịnh Thị Tuyết Trinh	Nữ	04/11/1994	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			168,4	112	280,4	
24	024	Cao Thị Tuyết	Nữ	01/3/1996	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			162	159	321	
25	025	Nguyễn Thị Bích Ty	Nữ	06/4/1996	Yên Hoà, Minh Hoà, Quảng Bình	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TH.G			165,6		165,6	Bỏ thi
26	026	Hoàng Thị Dung	Nữ	28/10/1992	Lâm Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	75	68,3		125	268,3	x
27	027	Phan Thị Thuý Dung	Nữ	04/5/1993	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	76	62		112	250	x
28	028	Phạm Thị Hồng Giang	Nữ	12/12/1991	Cánh Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	69	70		127	266	x
29	029	Phan Thị Giang	Nữ	20/10/1989	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	74	77		126	277	x
30	030	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	16/01/1989	Đông Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	71	77		133	281	x
31	031	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	06/02/1988	Thuận Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	79	73		122	274	x
32	032	Nguyễn Thị Hải	Nữ	19/10/1985	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	70	65		104	239	x
33	033	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	10/6/1990	Thanh Trạch, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	58		107	237	x
34	034	Hoàng Thị Hằng	Nữ	26/10/1992	Thuận Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	77		105	254	x
35	035	Lê Thị Bích Hằng	Nữ	20/12/1992	Vân Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	75	90		114	279	x
36	036	Phan Thị Diệu Hằng	Nữ	27/11/1990	Đông Lê, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	75	68		136	279	x

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Mã dự tuyển	Điểm học tập TB tính theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Dự Kiến trung tuyển
37	037	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	25/12/1991	Lê Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	77	77		106	260	x
38	038	Hoàng Thị Hiếu	Nữ	08/01/1991	Tiến Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	68	60		104	232	x
39	039	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	22/01/1989	Hương Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	66	78,3		104	248,3	x
40	040	Mai Thị Hoa Huệ	Nữ	12/7/1989	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	82	77		111	270	x
41	041	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/10/1990	Hương Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	73	70		102	245	x
42	042	Ngô Thị Khánh	Nữ	10/10/1980	Thanh Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	71	72		100	243	x
43	043	Cao Thị Hương Lan	Nữ	10/4/1991	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	79		119	270	x
44	044	Đình Thị Thủy Lan	Nữ	15/10/1990	Hồng Hoà, Minh Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	66	70		101	237	x
45	045	Trần Thị Mỹ Lê	Nữ	15/4/1977	Châu Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	56	62		105	223	x
46	046	Hồ Thị Mỹ Lê	Nữ	20/02/1991	Phong Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	77		101	250	x
47	047	Nguyễn Thị Minh Lệ	Nữ	20/10/1989	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	60		113	245	x
48	048	Hoàng Thị Ngọc Liên	Nữ	05/6/1988	Đức Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	73	77		135	285	x
49	049	Đình Thị Hoà My	Nữ	11/11/1987	Quy Đại, Minh Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	66	73		103	242	x
50	050	Hoàng Thị Ngân	Nữ	06/11/1983	Phong Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	MN.III	67,7	65		105	237,7	x
51	051	Cao Thị Kiều Oanh	Nữ	29/08/1992	Đông Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	77		153	302	x
52	052	Cao Thị Kim Oanh	Nữ	20/10/1990	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	77,5	85		144	306,5	x
53	053	Đình Thị Thanh Soa	Nữ	12/8/1987	Hương Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	72	73		118	263	x
54	054	Chu Thị Thảo	Nữ	20/04/1990	Đông Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	70	66,7		100	236,7	x
55	055	Dương Thị Kiều Thảo	Nữ	15/11/1992	Hương Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	71	72		120	263	x
56	056	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	06/10/1988	Đông Lê, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	75	80		120	275	x

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Mã dự tuyển	Điểm học tập TB tính theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
57	057	Lê Thị Bích	Nữ	02/4/1991	Tiền Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	64	68		152	284	x
58	058	Trần Thị Quỳnh	Nữ	28/3/1989	Cẩm Sơn, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	MN.III	71	77		108	256	x
59	059	Đoàn Thị Ánh	Nữ	20/03/1992	Thuận Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	77	60		144	281	x
60	060	Đoàn Thị Ánh	Nữ	12/02/1992	Quảng Hoá, Quảng Trạch, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	68	68		128	264	x
61	061	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	05/9/1992	Đông Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	74	67		115	256	x
62	062	Vì Thị Lê	Nữ	29/6/1992	Kim Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	70	80		140	290	x
63	063	Nguyễn Thị Hải	Nữ	26/09/1987	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	79	71,6		107	257,6	x
64	064	Trần Thị	Nữ	11/6/1993	Phong Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	71	60		112	243	x
65	065	Trương Thị Hải	Nữ	20/02/1991	Tiền Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	MN.IV	74	77		112	263	x
66	066	Trần Thị	Nữ	09/02/1990	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TA. THCS			132,2	87	219,2	
67	067	Hồ Khánh	Nữ	15/3/1987	Phong Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	NV. THCS	72,6	60		140	272,6	x
68	068	Cao Thị Thu	Nữ	05/8/1992	Mình Hoá, Minh Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TA. THCS			156,4	165	321,4	
69	069	Hoàng Quốc Mỹ	Nam	20/11/1984	Thuận Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	TD. THCS	69,1	73,3		129	271,4	x
70	070	Tổng Thủy	Nữ	04/5/1990	Sơn Hoá, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	NV. THCS	70,4	57,5		134	261,9	x
71	071	Trương Hữu Tài	Nam	26/07/1990	Mình Hoá, Minh Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	S. THCS			146	188	334	x
72	072	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Nữ	02/4/1988	Châu Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TA. THCS	69	80		183	332	x
73	073	Mai Thị Hồng	Nữ	06/10/1989	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TA. THCS	72,4	73,3		179	324,7	x
74	074	Trần Thị Diệu	Nữ	01/9/1987	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	NV. THCS	66,8	80		178	324,8	x
75	075	Phạm Thị Diễm	Nữ	13/3/1988	Lê Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TA. THCS	70,3	66,7		187	324	x
76	076	Đặng Thị Huyền	Nữ	28/8/1987	Thanh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	NV. THCS	74,4	77,5		130	281,9	x

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Mã dự tuyển	Điểm học tập theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp theo thang điểm 100 (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
77	077	Phan Thanh	Nam	28/01/1990	Châu Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	TT:THCS			143,8	186	329,8	x
78	078	Hồ Duy	Nam	10/02/1987	Phong Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	DGD:THCS S			137,6	140	277,6	x
79	079	Dương Thị Thủy	Nữ	12/9/1990	Hoà Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	DT:CC			151,8	159	310,8	x
80	080	Hà Thị	Nữ	18/3/1987	Phong Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Văn thư trung cấp	02.008	VT:CC				120	270,6	x
81	081	Nguyễn Thị Vũ	Nữ	19/4/1987	Châu Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	DSV	62,9	55		139	256,9	x
82	082	Nguyễn Thị	Nữ	07/10/1985	Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An.	Nhân viên công tác xã hội hạng IV	V.09.04.03	ĐN			139,8	143	282,8	x
83	083	Võ Đức	Nam	01/5/1985	Kim Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Kế toán viên	06.031	KT:Đ	68	70		118	256	x
84	084	Phạm Thị	Nữ	17/6/1991	Thạch Hoà, Tuyên Hoà, Quảng Bình	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	KT:DS	70	60		133	263	x

(Danh sách này gồm có 84 người)


 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
 QUẢNG BÌNH
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
 Hồ Vũ Thường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Hoá, ngày tháng năm 2018

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO
(Đối với điểm học tập và điểm tốt nghiệp kỳ tuyển dụng
viên chức sự nghiệp năm 2018)

Kính gửi: Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp huyện Tuyên Hóa năm 2018.

Tôi tên là:; Số báo danh:
Ngày tháng năm sinh: Giới tính:
Chỗ ở hiện nay:
Điện thoại liên lạc:
Trình độ đào tạo:; Chuyên ngành:
Vị trí việc làm dự tuyển:
Mã số dự tuyển:

Sau khi xem thông báo của UBND huyện Tuyên Hóa về kết quả điểm xét tuyển các nội dung của tôi như sau:

1. Điểm học tập, theo thang điểm 100 (hệ số 1): điểm.
2. Điểm tốt nghiệp, theo thang điểm 100 (hệ số 1): điểm.
3. Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp, thang điểm 100 (hệ số 2): điểm.
4. Điểm phỏng vấn, thang điểm 100 (hệ số 2): điểm.

Tổng điểm: điểm

Với kết quả điểm xét tuyển các nội dung như trên, tôi làm đơn này đề nghị Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp huyện Tuyên Hóa năm 2018 xem xét và phúc khảo điểm xét tuyển các nội dung sau cho tôi:

1. Điểm học tập tính theo thang điểm 100 (hệ số 1): điểm.
2. Điểm tốt nghiệp tính theo thang điểm 100 (hệ số 1): điểm.
3. Điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp, thang điểm 100 (hệ số 2): điểm.

** Không thực hiện phúc khảo đối với điểm phỏng vấn.*

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2018

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ, tên)